





# PHÍCH CẮM & Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP SERIES PK





## Phích Cắm Di Động - Plug

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
	IP44	2P+E 230V	16A	PKE16M423	136.400	
			32A	PKE32M423	250.800	
		3P+E 400V	16A	PKE16M434	165.000	
			32A	PKE32M434	289.300	
		4P+E 400V	16A	PKE16M435	195.800	
			32A	PKE32M435	295.900	
	IP67	2P+E 230V	16A	PKE16M723	348.700	
			32A	PKE32M723	467.500	
			63A	81378	1.031.800	
		3P+E 400V	125A	81390	2.399.100	
			16A	PKE16M734	400.400	
			32A	PKE32M734	500.500	
	4P+E 400V	63A	81382	1.091.200		
		125A	81394	2.477.200		
		16A	PKE16M735	426.800		
				32A	PKE32M735	543.400
				63A	81383	1.267.200
				125A	81395	2.538.800



## Ổ Nối Di Động - Connectors

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16M423	185.900	
			32A	PKF32M423	277.200	
		3P+E 400V	16A	PKF16M434	211.200	
			32A	PKF32M434	331.100	
		4P+E 400V	16A	PKF16M435	245.300	
			32A	PKF32M435	413.600	
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16M723	366.300	
			32A	PKF32M723	517.000	
			63A	81478	1.156.100	
		3P+E 400V	125A	81490	3.099.800	
			16A	PKF16M734	410.300	
			32A	PKF32M734	558.800	
	4P+E 400V	63A	81482	1.288.100		
		125A	81494	3.393.500		
		16A	PKF16M735	477.400		
				32A	PKF32M735	608.300
				63A	81483	1.452.000
				125A	81495	3.553.000

## Ổ Cắm Âm Dạng Thẳng Straight Panel Mounted Socket

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)		
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16G423	184.800		
			32A	PKF32G423	281.600		
		3P+E 400V	16A	PKF16G434	206.800		
			32A	PKF32G434	298.100		
		4P+E 400V	16A	PKF16G435	225.500		
			32A	PKF32G435	342.100		
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16G723	389.400		
			32A	PKF32G723	506.000		
			63A	81678	973.500		
		3P+E 400V	125A	81690	2.407.900		
			16A	PKF16G734	447.700		
			32A	PKF32G734	542.300		
		4P+E 400V	63A	81682	1.106.600		
			125A	81694	2.506.900		
			16A	PKF16G735	511.500		
				400V	32A	PKF32G735	577.500
					63A	81683	1.131.900
					125A	81695	2.846.800

## Ổ Cắm Âm Dạng Nghiêng Angle Panel Mounted Socket

	IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)		
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16F423	184.800		
			32A	PKF32F423	281.600		
		3P+E 400V	16A	PKF16F434	206.800		
			32A	PKF32F434	298.100		
		4P+E 400V	16A	PKF16F435	225.500		
			32A	PKF32F435	342.100		
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16F723	389.400		
			32A	PKF32F723	506.000		
			63A	81278	973.500		
		3P+E 400V	125A	81290	2.407.900		
			16A	PKF16F734	447.700		
			32A	PKF32F734	542.300		
		4P+E 400V	63A	81282	1.106.600		
			125A	81294	2.506.900		
			16A	PKF16F735	511.500		
				400V	32A	PKF32F735	577.500
					63A	81283	1.131.900
					125A	81295	2.846.800

Giá trên đã bao gồm VAT

# PHÍCH CẮM & Ổ CẮM CÔNG NGHIỆP SERIES PK

## Ổ Cắm Nổi - Wall Mounted Socket



IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VND)
IP44	2P+E 230V	16A	PKF16W423	250.800
		32A	PKF32W423	413.600
	3P+E 400V	16A	PKF16W434	314.600
		32A	PKF32W434	457.600
	4P+E 400V	16A	PKF16W435	325.600
		32A	PKF32W435	452.100



IP67	2P+E 230V	16A	PKF16W723	502.700
		32A	PKF32W723	674.300
		63A	81178	1.469.600
		125A	81190	3.778.500
	3P+E 400V	16A	PKF16W734	556.600
		32A	PKF32W734	694.100
		63A	81182	1.523.500
		125A	81194	3.957.800
	4P+E 400V	16A	PKF16W735	643.500
		32A	PKF32W735	819.500
		63A	81183	1,765.500
		125A	81195	4.062.300

## Ổ Nối Nhiều Ngã - Multi Adapter



IP Rating	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VND)
IP44	2P+E 230V	16A	PKZM403	1.355.200
IP67	2P+E 230V	16A	PKZM703	1.593.900



IP44	2P+E 230V	16A	PKZM409	1.654.400
IP67	2P+E 230V	16A	PKZM709	1.994.300

Giá trên đã bao gồm VAT

# CÔNG TẮC & Ổ CẮM PHÒNG THẨM NƯỚC SERIES 56



S56P315RP GY



S56SO313GY



S56SW110GY



WHS20\_GY



56C315 GY



56E1 56E2

## Phích Cắm - Plug, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56P310GY_G15	682.000
		13A	S56P313GY_G15	540.100
		15A	S56P315GY_G15	827.200
		15A	S56P315RPGY_G15	772.200
		20A	S56P320GY_G15	914.100
4P	500V	32A	S56P332GY_G15	959.200
		20A	S56P420GY_G15	1.057.100
		32A	S56P432GY_G15	1.225.400
5P	500V	50A	S56P450GY_G15	1.225.400
		20A	S56P520GY_G15	1.225.400
		32A	S56P532GY_G15	1.848.000
		40A	S56P540GY_G15	1.848.000

## Công Tắc - Switch, IP66

1P	250V	10A	S56SW110GY	599.500
		20A	S56SW120GY	719.400
		32A	S56SW132GY	750.200
2P	500V	20A	S56SW220GY	875.600
		32A	S56SW232GY	875.600
		50A	S56SW250GY	1.129.700
3P	500V	10A	S56SW310GY	825.000
		16A	S56SW316GY	987.800
		20A	S56SW320GY	1.263.900
		32A	S56SW332GY	1.263.900
		50A	S56SW350GY	1.430.000
		63A	S56SW363GY	1.430.000

## Hộp Đế - Mounting Enclosure, IP66

101x101x38	S56ES1GY_G15	138.600
101x198x38	S56ES2GY_G15	170.500
101x101x63	S56E1GY_G15	156.200
101x198x63	S56E2GY_G15	298.100

Giá trên đã bao gồm VAT

## Ổ Cắm - Surface Socket, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56SO310GY	583.000
		13A	S56SO313GY	644.600
		15A	S56SO315GY	982.300
		15A	S56SO315RPGY	1.188.000
		20A	S56SO320GY	1.087.900
4P	500V	32A	S56SO332GY	1.213.300
		20A	S56SO420GY	1.213.300
		32A	S56SO432GY	1.461.900
5P	500V	50A	S56SO450GY	1.574.100
		20A	S56SO520GY	1.906.300
		32A	S56SO532GY	1.906.300
		40A	S56SO540GY	1.906.300

## Ổ Cắm Có Công Tắc - Switched Socket, IP66

3P	250V	10A	S56C310GY	1.157.200
		13A	S56C313GY	1.179.200
		15A	S56C315GY	1.722.600
4P	500V	15A	S56C315RPGY	1.688.500
		20A	S56C320GY	1.532.300
		32A	S56C332GY	2.224.200
5P	500V	20A	S56C420GY	2.224.200
		32A	S56C432GY	2.224.200
		50A	S56C450GY	2.668.600
		20A	S56C520GY	4.002.900
		32A	S56C532GY	4.180.000
		40A	S56C540GY	4.180.000

## Ngắt Điện Phòng Thẩm Nước - Isolator, IP66

1P	250V	20A	WHS20_GY	848.100
		35A	WHS35_GY	907.500
		55A	WHS55_GY	929.500
2P	500V	20A	WHD20_GY	895.400
		35A	WHD35_GY	946.000
		55A	WHD55_GY	1.223.200
3P	500V	63A	WHD63_GY	1.287.000
		20A	WHT20_GY	947.100
		35A	WHT35_GY	1.238.600
		55A	WHT55_GY	1.426.700
		63A	WHT63_GY	1.602.700
		80A	WHT80_GY	2.586.100